

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM

Số: 177/BVTE-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 10 năm 2023

Về việc đề nghị các công ty báo giá
vật tư y tế

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế của Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng

Địa chỉ: Phố Việt Đức, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

ĐSCKI. Nguyễn Thị Kim Thanh, phó Trưởng khoa Dược, số điện thoại: 0914.450.483, Email: cungungvthcbvte@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận qua email: cungungvthcbvte@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 04 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 16 tháng 10 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá như sau:

**A. DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ
LỌC MÁU LIÊN TỤC VÀ ECMO
(Dự kiến sử dụng trong 24 tháng)**

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Catheter 8Fr	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước: (OD): 8Fr Chiều dài: 150mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.038" x 700 mm, (1) nắp đậy tiêm truyền, (1) nong mạch 8F x 150 mm, (1) gạc	5	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
2	Catheter 6,5Fr	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước (OD): 6.5Fr Chiều dài: 75mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn7, (1) dây luồn J-tip 0.038" x 700 mm, (1) nắp đậy tiêm truyền , (1) nong mạch 8F x 150 mm, (1) gạc	5	Bộ
3	Catheter 6,5Fr	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước (OD): 6.5Fr Chiều dài: 100mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn7, (1) dây luồn J-tip 0.038" x 700 mm, (1) nắp đậy tiêm truyền , (1) nong mạch 8F x 150 mm, (1) gạc	5	Bộ
4	Catheter 11Fr	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR Kích thước (OD): 11Fr Chiều dài: 200mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn (1), dây luồn J-tip 0.038" x 700 mm, (1) nắp đậy tiêm truyền , (1) nong mạch 11F x 150 mm, (1) gạc	5	Bộ
5	Bộ quả lọc máu liên tục cho trẻ em > 11kg	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu • Sợi lọc AN69: - Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG • Cách tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số hoạt động của quả lọc • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 Thể tích máu ($\pm 10\%$): 93 ml Diện tích màng hiệu dụng: 0,6 m ² Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm Độ dày thành sợi lọc: 50µm	5	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
6	Bộ quả lọc máu liên tục cho trẻ nhỏ > 8kg	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu màng lọc : PolyArylEtherSulfone (sợi rỗng PAES) Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate Vách đầu quả lọc: Polyurethane Ống dẫn: PVC Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Các thông số khác: Thể tích máu trong bộ quả lọc ($\pm 10\%$): 60ml Diện tích màng: 0,2 m² Tốc độ dòng máu: 20-100 ml/phút Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 17ml TMP tối đa: 500mmHg/67 kPa	5	Bộ
7	Bộ quả lọc máu liên tục cho người lớn	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu • Màng lọc: dạng sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG • Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml Diện tích màng: 0,9m² Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm Độ dày thành sợi lọc: 50μm	5	Bộ
8	Phổi nhân tạo cấp cứu	Bộ phổi nhân tạo có đặc tính: - Đầu bơm ly tâm thiết kế trục đôi giúp cho thời gian hoạt động lâu hơn, sinh nhiệt thấp, giảm tỷ lệ tan máu. - Tráng chất chống đông Xcoating - Diện tích màng lọc 2,5m² - Tổng thể tích mỗi máu: 620ml - Lưu lượng tối đa: 7l/phút - Áp suất tối đa 1000mmHg	3	Bộ

lll

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
9	Canuyn động mạch	Bộ canuyn động mạch cỡ 16.5 Fr gồm: + Canuyn có tráng chất chống đông Xcoating - Đường kính ngoài: 5.5mm - Độ dài hiệu dụng: 15cm + Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu: gồm 2 que nong dài 15cm, cỡ 8Fr và 12Fr, dây dẫn đường dài 80cm, ống tiêm, dao mổ	3	Cái
10	Canuyn tĩnh mạch	Bộ canuyn tĩnh mạch cỡ 21 Fr gồm: + Canuyn có tráng chất chống đông Xcoating - Đường kính ngoài: 7mm - Độ dài hiệu dụng: 50cm + Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu: gồm 2 que nong dài 15cm, cỡ 8Fr và 12Fr, dây dẫn đường dài 150cm, ống tiêm, dao mổ	3	Cái
Tổng số: 10 khoản ứng với 10 phần.				

**B. DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ NẸP, VÍT XƯƠNG HÀM MẶT
(Dự kiến sử dụng trong 24 tháng)**

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Nẹp xương hàm mặt, sọ não titan 4 lỗ	- Nẹp có 4 lỗ, dày 1.0mm, dài khoảng 22mm, Sử dụng hệ thống vít 2.0mm - Có lớp phủ đặc biệt TiNbN màu vàng nhạt Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC	93	Cái
2	Vít xương hàm mặt, sọ não titan 2,0	- Loại vít mini tự khoan đường kính ren vít 2.0mm, Bước ren vít 2.0mm mũ vít chữ thập rộng 3.0mm, độ dài 7-11mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC	372	Cái
Tổng số: 02 khoản ứng với 02 phần.				

C. DANH MỤC YẾU CẦU BẢO GIÁ ĐINH, NỆP, VÍT
(Dự kiến sử dụng trong 08 tháng)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Nẹp xương hàm mặt, sọ não titan 4 lỗ	- Nẹp có 4 lỗ, dày 1.0mm, dài khoảng 22mm, Sử dụng hệ thống vít 2.0mm - Có lớp phủ đặc biệt TiNbN màu vàng nhạt Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC	93	Cái
2	Vít xương hàm mặt, sọ não titan 2.0	- Loại vít mini tự khoan đường kính ren vít 2.0mm, Bước ren vít 2.0mm mũ vít chữ thập rộng 3.0mm, độ dài 7-11mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC	372	Cái
3	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 3.5mm, nẹp rộng 14mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm; từ 3 lỗ đến 12 lỗ tương ứng các chiều dài từ 87mm đến 195mm. Chất liệu hợp kim Titanium	4	Cái
4	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 6.0mm, nẹp rộng 19mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18mm; từ 2 đến 16 lỗ trái/ phải tương ứng với các chiều dài từ 139mm đến 391mm. Chất liệu hợp kim titanium	2	Cái
5	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 5.0mm, đường kính mũ vít 6.5mm, bước ren 1.5mm, đường kính lõi vít 4.0mm, chiều dài vít từ 20mm đến 90mm. Chất liệu hợp kim titanium	80	Cái
6	Vít khóa rộng nòng đường kính 7.3mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 7.3mm, đường kính mũ vít 10.0mm, bước ren 2.75mm, đường kính lõi vít 5.0mm, đường kính nòng rộng 2.5mm, chiều dài từ 30mm đến 95mm. Chất liệu hợp kim titanium	10	Cái

Handwritten signature

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
7	Nẹp tăng áp bản nhỏ các cỡ, thép không gỉ	Nẹp dày 3.0mm, nẹp rộng 10.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12.0mm. Số lỗ từ 6 lỗ đến 10 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 74mm đến 122mm. Chất liệu: thép không gỉ	12	Cái
8	Nẹp tăng áp bản hẹp các cỡ, thép không gỉ	Nẹp dày 4.0mm, nẹp rộng 12.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 16.0mm. Số lỗ từ 6 lỗ đến 14 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 103mm đến 231mm. Chất liệu thép không gỉ	50	Cái
9	Nẹp tăng áp bản rộng các cỡ, thép không gỉ	Nẹp dày 5.0mm, nẹp rộng 16.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18.0mm. Số lỗ từ 6 lỗ đến 16 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 103mm đến 263mm. Chất liệu thép không gỉ	50	Cái
10	Vít cứng đường kính 3.5mm dài các cỡ, thép không gỉ	Đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 2.5mm, bước ren 1.25mm, đường kính lõi vít 2.4mm, chiều dài từ 16mm đến 40mm. Chất liệu thép không gỉ	30	Cái
11	Vít cứng đường kính 4.5mm dài các cỡ, thép không gỉ	Đường kính vít 4.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 3.5mm, bước ren 1.75mm, đường kính lõi vít 3.0mm, chiều dài từ 24mm đến 60mm. Chất liệu thép không gỉ	1.000	Cái
12	Vít rỗng nòng các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 4.0/7.0mm tương ứng đường kính mũ vít 5.0/8.0mm; đường kính ren 4.0/7.0mm và đường kính nòng rỗng 1.35/2.1mm, đường kính thân 2.5/4.5mm; đường kính lõi vít 2.5/4.5mm, bước ren 1.75/2.75mm mặt mũ vít hình lục lăng, vít đường kính 4.0mm có chiều dài từ 10mm đến 68mm; vít đường kính 7.0mm có chiều dài từ 25mm đến 95mm. Chất liệu hợp kim Titanium	24	Cái
13	Vòng đệm cho vít rỗng nòng, hợp kim titanium	Đường kính 7mm, 13mm, dùng cho vít rỗng nòng. Chất liệu hợp kim titanium	20	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
14	Nẹp chữ L trái/phải các cỡ	Nẹp dày 2.0mm, nẹp rộng 17.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 16.0mm; 4, 6, 8 lỗ trái/phải tương ứng các chiều dài 85mm, 117mm, 149mm. Chất liệu thép không gỉ	6	Cái
15	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái/ phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 6.0mm, nẹp rộng 17.5mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 20mm, đầu nẹp rộng 32mm; từ 5 lỗ đến 13 lỗ trái/ phải tương ứng các chiều dài từ 154mm đến 314mm. Chất liệu hợp kim titanium	2	Cái
16	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái/ phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 5.0mm, nẹp rộng 17.0mm, đầu nẹp rộng 25mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 20mm; từ 3 lỗ đến 13 lỗ trái/phải tương ứng các chiều dài từ 102mm đến 302mm. Chất liệu hợp kim titanium	2	Cái
17	Đinh Schanz các cỡ	Đường kính đinh 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, chiều dài đinh 180mm/200mm, đinh đường kính 4.0mm có chiều dài ren 25mm, đinh đường kính 4.5, 5.0mm có chiều dài ren 50mm. Chất liệu thép không gỉ	40	Cái
18	Nẹp chữ T các cỡ/ vít 4.5mm	Nẹp dày 2.0mm, nẹp rộng 17.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 16.0mm, độ rộng đầu nẹp 33mm; từ 4 lỗ đến 8 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 90mm đến 148mm. Chất liệu thép không gỉ	5	Cái
19	Nẹp chữ T nhỏ các cỡ/ vít 3.5mm	Nẹp dày 1.2mm, nẹp rộng 11.0mm, độ rộng đầu nẹp 24mm, 3 lỗ đầu 3, 5 lỗ thân; 4 lỗ đầu 4, 6 lỗ thân. Chất liệu thép không gỉ	5	Cái
20	Mũi khoan các cỡ	Đường kính 2.7mm, 3.2mm, 3.5mm, 4.5mm tương ứng với chiều dài đoạn ren là 100mm, 145mm, 100mm, 120mm và tương ứng với chiều dài sử dụng là 75mm, 120mm, 85mm, 145mm. Chất liệu thép không gỉ	20	Cái

Hand

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
21	Cố định ngoài cẳng chân MULLER	Khung cố định cẳng chân Muller gồm 2 thanh ty ren 8mmx 330mm, 8 khối Jack chữ nhật, 8 bu lông M8, 16 đai ốc M8 thép không rỉ. ; 4 Đinh Schantz 4.5mm x 200mm	2	Cái
22	Cố định ngoài cẳng tay	1.1 Khung Cố định ngoài cẳng tay gồm 2 thanh ren thẳng 6mm x 250mm , 8 khối Jack nổi chữ nhật, , 16 đai ốc thép không rỉ., 4 đinh Schantz 4X150MM. Chế tạo bằng vật liệu thép không rỉ UNS S30400 304 (ASTM A 276-10), độ cứng Rockwell trung bình trên 38 HRC.	2	Cái
23	Cố định ngoài Tay	1.1 Khung cố định ngoài Cánh tay gồm 2 thanh ren thẳng 6 x 250mm ,, 8 khối Jack nổi chữ nhật, 16 đai ốc M6 thép không rỉ., 8 đinh Schantz 3.5 X 150MM. Chế tạo bằng vật liệu thép không rỉ UNS S30400 304 (ASTM A 276-10), độ cứng Rockwell trung bình trên 38 HRC.	2	Cái
Tổng số: 23 khoản ứng với 23 phần.				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: khoa Dược – Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: theo đơn dự trù của chủ đầu tư.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không tạm ứng.

- Tiến độ thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị hợp đồng hoặc theo giá trị khối lượng hoàn thành hàng tháng trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo mẫu tại Phụ lục đính kèm công văn này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



BSCKII. Trần Minh Cảnh

HẢI PHÒNG

